

Số: 96 /QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Tâm lý học.

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 125/2025/QH15 của Quốc hội ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TĐHYKPNT ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 2693/KH-TĐHYKPNT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học và xây dựng hồ sơ xin cấp phép mở ngành đào tạo Cử nhân Tâm lý học;

Căn cứ Quyết định số 4190/QĐ-TĐHYKPNT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng Xây dựng

chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-TĐHYKPNT-HĐT ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Hội Đồng Trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ Cử nhân Tâm lý học;

Căn cứ Quyết định số 5586 /QĐ-TĐHYKPNT ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo và hồ sơ mở ngành cử nhân Tâm lý học;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ – TĐHYKPNT ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ giữa Phó Hiệu trưởng (Phụ trách Lãnh đạo, quản lý, điều hành) và các Phó hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ các Biên bản tại phiên họp Hội đồng ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học – Ngành Tâm lý học;

Theo đề nghị của Khoa Y tế công cộng tại Phiếu trình số 02/PTr-KYTCC ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc đề xuất ban hành Quyết định về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học được áp dụng cho sinh viên tuyển sinh đầu vào dự kiến từ năm học 2026-2027.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông, Bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, Trưởng Khoa Y tế công cộng, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tập thể Lãnh đạo (để c/đạo);
- P.CNTT (để đăng website);
- Lưu: VT, QLĐTĐH, KYTCC (8).



**TS. BS. Phan Nguyễn Thanh Vân**

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA  
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 96.../QĐ-TĐHYKPNT ngày 10 tháng 01 năm 2026  
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. Trình độ đào tạo : Đại học
- 1.2. Ngành đào tạo : Tâm lý học/Psychology
- 1.3. Hình thức đào tạo : Chính qui
- 1.4. Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt
- 1.5. Mã ngành : 7310401
- 1.6. Thời gian đào tạo : 4 năm
- 1.7. Văn bằng tốt nghiệp : Cử nhân Tâm lý học/Bachelor of Psychology
- 1.8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ
- 1.9. Chuẩn đầu vào : Tốt nghiệp THPT và theo quy định của đề án tuyển sinh đại học hằng năm của trường.

### 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Giáo dục toàn diện – Hướng về cộng đồng – Lấy người học làm trung tâm.

2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

- **Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.
- **Tầm nhìn:** Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế.

2.3. Chiến lược của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo đạt chuẩn trong nước và chuẩn quốc tế. Tăng cường tiếng Anh trong đào tạo. Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng các bài đăng quốc tế, nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng mô hình *ph*

Viện-Trường, với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đạt mức hiện đại, đáp ứng công nghệ mới.

## 2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 2.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Tâm lý học là chương trình đào tạo có định hướng nghề nghiệp, có mục tiêu chung là đào tạo cử nhân ngành Tâm lý có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn và y học. Đồng thời, chương trình cung cấp nền tảng vững chắc về lĩnh vực tâm lý lâm sàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của con người trong xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

### 2.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Trình bày kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn, y học và các lĩnh vực liên ngành; vận dụng kiến thức này để tiếp cận các hiện tượng tâm lý con người trong thực hành nghề nghiệp.

Mục tiêu 2: Phân tích các rối nhiễu tâm lý ở cá nhân và cộng đồng; thực hành tham vấn, trị liệu tâm lý và chăm sóc sức khỏe tinh thần trong các môi trường chuyên biệt.

Mục tiêu 3: Vận dụng phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học để thực hiện đề tài khoa học; sử dụng công cụ công nghệ thông tin và phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê.

Mục tiêu 4: Sử dụng hiệu quả tiếng Anh trong học tập và công việc chuyên môn; thực hành giao tiếp liên văn hóa, tư duy phản biện, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường đa ngành và toàn cầu hóa.

Mục tiêu 5: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và tinh thần học tập suốt đời; góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tinh thần và phúc lợi xã hội.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

	<b>Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.</b>
<b>PLO 1</b>	PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
	PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn.
	PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

PLO 2	<b>Đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ GD&amp;ĐT qui định (tương đương với B1 khung châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa</b>
	PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.
	PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.
PLO 3	<b>Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu Tâm lý học</b>
	PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả.
	PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp theo thông tư 02/2025
	PI 3.3. Sử dụng công cụ số để trình bày, làm việc nhóm và đảm bảo an toàn thông tin trong giao tiếp nghề nghiệp.
PLO 4	<b>Vận dụng kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, con người và khối kiến thức cơ sở của Tâm lý học để tiếp cận khoa học tâm lý và các hiện tượng tâm lý con người, đặc biệt trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng.</b>
	PI 4.1. Giải thích các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn làm nền tảng cho việc tiếp nhận kiến thức chuyên ngành và phát triển các năng lực, giá trị cá nhân trong xã hội.
	PI 4.2. Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực sinh lý học thần kinh, tâm lý học thần kinh, Tâm lý Y học để phân tích bản chất tâm lý con người và ứng dụng có hiệu quả trong việc dự phòng, chăm sóc sức khỏe con người.
	PI 4.3. Trình bày được các trường phái tâm lý, các hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (về nhận thức, tình cảm, nhân cách...)
	PI 4.4. Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực tâm lý học phát triển, tâm lý học gia đình, tâm lý học giới tính, lịch sử phát triển tâm lý con người để mô tả, phân tích các đặc điểm, quy luật phát triển tâm lý, nhân cách con người.
PLO 5	<b>Vận dụng kiến thức thuộc lĩnh vực Tâm lý học và Tâm lý lâm sàng trong các định hướng thực hành:</b>
	PI 5.1. Giải thích được về lịch sử ra đời và phát triển của Tâm lý học lâm sàng; các lĩnh vực ứng dụng của Tâm lý học lâm sàng; những đặc thù của mối quan hệ nhà tâm lý lâm sàng và thân chủ.
	PI 5.2. Trình bày được kiến thức về các triệu chứng lâm sàng và các hệ thống lý thuyết làm nền tảng cho tâm bệnh học và các vấn đề lâm sàng khác.
	PI 5.3. Phân tích được các rối nhiễu tâm lý, các hành vi lệch chuẩn và định hướng được các hỗ trợ về tâm lý cho cá nhân hoặc cộng đồng.

	<b>Vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu và lượng giá tâm lý để nghiên cứu giải thích các hiện tượng tâm lý người</b>
<b>PLO6</b>	PI 6.1. Vận dụng các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học vào chẩn đoán và lượng giá tâm lý. Ứng dụng được các bảng phân loại tâm bệnh trong công việc lâm sàng
	PI 6.2. Áp dụng những kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản để thực hành ứng dụng trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp
	PI 6.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý học trị liệu căn bản, bước đầu biết vận dụng để xác lập mục tiêu và kế hoạch can thiệp cho những ca cơ bản.
	<b>Tích hợp các kỹ năng nhận diện, nghiên cứu, đánh giá, trị liệu các rối nhiễu tâm lý trong thực hành nghề nghiệp</b>
<b>PLO7</b>	PI 7.1. Thực hiện được một đề tài nghiên cứu tâm lý một cách khoa học.
	PI 7.2. Lượng giá được những vấn đề tâm lý liên quan đến sức khỏe cộng đồng như: thái độ, nhận thức, thói quen liên quan đến sức khỏe trong cộng đồng.
	PI 7.3. Vận dụng được kiến thức chuyên môn trong môi trường đa văn hoá, khả năng hội nhập và học tập suốt đời
	<b>Phát triển các kỹ năng mềm và các kỹ năng bổ trợ khác trong thực hành nghề nghiệp</b>
<b>PL08</b>	PI 8.1. Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, linh hoạt và sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả
	PI 8.2. Phát triển kỹ năng tư duy phản biện để nhận diện và giải thích được các hành vi cá nhân và xã hội
	PI 8.3. Vận dụng kỹ năng giao tiếp đa văn hóa trong quá trình tương tác với các đối tượng thuộc các nền văn hóa khác nhau đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa
	<b>Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân</b>
<b>PL09</b>	PI 9.1. Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
	PI 9.2. Tôn trọng và yêu thương con người, có ý thức cộng đồng. Thể hiện trách nhiệm với bản thân và xã hội
	PI 9.3. Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động nghề cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp, thể hiện hành vi ứng xử phù hợp với nguyên tắc đạo đức của nghề nghiệp

#### **4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP**

##### **4.1. Vị trí việc làm**

Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân Tâm lý học tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, người học có thể ứng tuyển vào những vị trí việc làm sau:

- Nhân viên tư vấn tâm lý làm việc tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa (tâm thần, nhi đồng, ung bướu...), các trung tâm hoặc công ty chăm sóc sức khỏe tinh thần công lập hoặc tư nhân.
- Nhân viên tâm lý làm việc trong các dự án chính phủ hoặc phi chính phủ về chăm sóc sức khỏe tinh thần, phúc lợi cho các đối tượng dễ bị tổn thương.
- Nhân viên tâm lý làm việc trong các cơ sở giáo dục.
- Nghiên cứu viên trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu hoặc các cơ sở học thuật khác.
- Nhân viên tâm lý học tại các cơ sở khác phù hợp với chuyên môn.

#### 4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục đăng ký theo học chương trình đào tạo Sau đại học (Thạc sĩ và Tiến sĩ) ngành Tâm lý học được tổ chức tại các trường đại học trong và ngoài nước.

### 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

#### 5.1. Thông tin tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế của Trường.

#### 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần theo đúng tỷ lệ của từng khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh và đạt chuẩn năng lực Ngoại ngữ, và hoàn thành các nghĩa vụ khác của người học. Cụ thể:

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
1	Kết quả học tập	Tích lũy đủ 126 tín chỉ Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) và 5,00 trở lên với thang điểm 10	
2	Kết quả rèn luyện	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập.	
3	Điều kiện Ngoại ngữ	Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 tương đương với trình độ B1 theo khung tham	Sinh viên tự tích lũy

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
		chiếu Châu Âu	
4	Điều kiện Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất	Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất	

## 6. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà Trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khóa biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các học phần/ học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình, ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/ học phần có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số, đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

**Bảng 1. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)**

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học tình huống		X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên mô phỏng bằng phương pháp đóng vai				X				X	

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dự án nghiên cứu				X	X	X	X	X	X
Phương pháp giảng dạy trực tuyến				X	X	X	X	X	X

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (LƯỢNG GIÁ)

Chương trình đào tạo áp dụng 2 phương pháp đánh giá chính là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

### 7.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

### 7.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua thực hiện và bảo vệ đồ án, khoá luận, thực hành, thí nghiệm, trình bày bài giảng,...

**Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)**

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	01	02	03	04	05	06	07	08	09
Viết tiểu luận	X	X		X	X	X	X	X	X
Tự luận câu hỏi ngắn	X	X		X		X		X	
Thuyết trình	X	X	X	X				X	
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn		X	X	X			X	X	X
Thực hành tình huống lâm sàng				X	X	X	X	X	X
Báo cáo thực tập						X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	01	02	03	04	05	06	07	08	09
Khóa luận tốt nghiệp						X	X	X	X

## 8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

*Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo*

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
		Lý thuyết	Thực hành		
1.	Giáo dục đại cương	17	1	18	0
2.	Giáo dục chuyên nghiệp	76	20	78	18
	2.1. Học phần cơ sở ngành bắt buộc	27	3	24	6
	2.2. Học phần ngành và chuyên ngành bắt buộc	49	17	54	12
3.	Thực tập tốt nghiệp/ Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp	0	12	12	0
	Thực tập tốt nghiệp	0	4	4	0
	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp	0	8	8	0
<b>TỔNG: 126</b>		<b>93</b>	<b>33</b>	<b>108</b>	<b>18</b>

### 8.2. Nội dung chi tiết chương trình

*Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
<b>Các học phần đại cương</b>					
1	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
6	Tin học đại cương	2	1	1	
7	Giáo dục thể chất	3			
8	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8			

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
9	Pháp luật đại cương và pháp luật liên quan đến sức khỏe	1	1	0	
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2	2		
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2	2		
<b>TỔNG CỘNG</b> (Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)		<b>18</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	
<b>Học phần cơ sở ngành bắt buộc</b>					
12	Tâm lý học đại cương	4	4	0	
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
14	Xã hội học sức khỏe	2	2	0	
15	Tư duy biện luận	2	2	0	
16	Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp	2	1	1	
17	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1	
18	Sinh lý học	2	2	0	
19	Khoa học não bộ và hành vi	2	2	0	
20	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	
21	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	2	2	0	
22	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0	
23	<b>Học phần tự chọn: Chọn 3 trong 6 môn</b>				
	- Nhân học y học và Xã hội học y học	2	2	0	
	- Sơ cấp cứu ban đầu	2	2	0	
	- Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa	2	2	0	
	- Thống kê y học	2	2	0	
	- Truyền thông tiếp thị xã hội	2	2	0	
	- Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	2	0	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>30</b>	<b>27</b>	<b>3</b>	
<b>Học phần ngành và chuyên ngành bắt buộc</b>					
24	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Tâm lý	2	2	0	
25	Tâm lý học phát triển	3	3	0	Tâm lý đại cương

*ĐV*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
26	Tâm lý học gia đình	3	3	0	Tâm lý đại cương
27	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	Tâm lý đại cương
28	Tâm lý học xã hội	3	3	0	Tâm lý đại cương
29	Tâm lý học giới tính	2	2	0	Tâm lý đại cương
30	Lượng giá tâm lý tâm sàng	3	2	1	
31	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	4	4	0	
32	Tâm bệnh học người lớn	4	4	0	
33	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	2	1	1	
34	Tham vấn tâm lý	3	2	1	
35	Thực hành tham vấn tâm lý	3		3	Tham vấn Tâm lý
36	Tâm lý học nhân cách	3	3		
37	Thực hành tâm lý lâm sàng	3		3	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên Tâm bệnh học người lớn Tham vấn tâm lý Tâm lý học nhân cách
38	Tâm lý học trị liệu	4	2	2	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên Tâm bệnh học người lớn Tham vấn tâm lý
39	Chăm sóc giảm nhẹ	2	1	1	

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
40	Sơ cứu tâm lý	2	1	1	
41	Can thiệp tâm lý trẻ em	4	2	2	
42	Kiến tập chuyên môn	2		2	
43	<b>Học phần tự chọn: Chọn 6/9 môn</b>				
	- Tham vấn học đường	2	2	0	
	- Tâm lý học tích cực	2	2	0	
	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người lao động	2	2	0	
	- Tâm lý học lao động và tổ chức	2	2	0	
	- Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	2	0	
	- Tâm lý học lão niên	2	2	0	
	- Tâm lý Y học	2	2	0	
	- Can thiệp sang chấn	2	2	0	
- Can thiệp tự sát	2	2	0		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>66</b>	<b>49</b>	<b>17</b>	
<b>Các học phần tốt nghiệp</b>					
44	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
45	<b>Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	

### 8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 5. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần bằng tiếng việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>											
1	Triết học Mác – Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	5	1	1	1	2	2	2	3	5
2	Kinh tế chính trị	Political Economics of	5	1	1	4	2	2	2	1	5

*Đw 2/18*  
12

STT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	
	Mác – Lênin	Marxism and Leninism										
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	5	1	1	2	2	1	1	1	5	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	5	1	1	2	1	1	1	1	5	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnam Communist Party	5	1	1	1	2	1	1	2	5	
6	Tin học đại cương	Basic Informatics	1	1	5	2	2	2	3	3	1	
7	Giáo dục thể chất	Physical Education	1	1	1	3	3	3	3	2	4	
8	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	National Defense Education*	1	1	1	3	2	2	3	1	5	
9	Pháp luật đại cương và pháp luật liên quan đến sức khỏe	Introduction to Laws and Health-Related Laws	2	1	1	4	2	2	2	2	3	
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Foreign Language 1 (English in Psychology)	1	5	1	1	3	3	3	3	1	
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Foreign Language 1 (English in Psychology)	1	5	1	1	3	3	3	3	1	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>												
<b>2.1 KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC</b>												

STT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
12	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	1	1	5	4	3	2	1	2
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Basics of Vietnamese Culture	2	1	2	5	1	1	1	1	3
14	Xã hội học sức khỏe	Sociology of Health	2	1	1	5	4	1	1	1	3
15	Tư duy biện luận	Critical Thinking	2	1	1	3	3	3	3	5	1
16	Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp	Interprofessional Education (IPE) – Professionalism	2	2	2	3	1	1	2	5	5
17	Kỹ năng giao tiếp	Communication Skills	2	3	1	2	2	2	2	5	3
18	Sinh lý học	Physiology	1	1	1	5	3	3	2	1	1
19	Khoa học não bộ và hành vi	Neuroscience and Behaviours	2	1	1	5	4	4	2	1	1
20	Nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2	2	2	2	5	4	3	2
21	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	Health Management and Policy	1	1	1	3	1	1	3	1	1
22	Dịch tễ học cơ bản	Basic Epidemiology	2	2	2	2	2	5	4	3	2
23	Nhân học y học và	Medical Anthropology and Medical Sociology	1	1	1	5	4	2	1	1	1

*Handwritten signature/initials in blue ink.*

STT	Tên học phần bằng tiếng việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	
	Xã hội học y học											
24	Sơ cấp cứu ban đầu	First-Aid	1	1	1	4	1	1	1	4	4	
25	Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa	Intercultural Communication in a Global Context	2	3	3	4	1	1	1	5	4	
26	Thống kê y học	Biostatistics	1	2	4	2	2	4	2	2	5	
27	Truyền thông tiếp thị xã hội	Social Marketing Communication	2	3	5	3	2	2	2	4	4	
28	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	Health Promotion	1	1	1	5	2	2	1	1	1	
<b>2.2 KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC</b>												
29	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Tâm lý	Psychological and Medical Ethics	2	1	3	1	1	1	1	1	5	
30	Tâm lý học phát triển	Developmental Psychology	2	1	1	4	3	3	3	1	1	
31	Tâm lý học gia đình	Family Psychology	2	1	1	3	4	4	3	2	2	
32	Tâm lý học nhận thức	Cognitive Psychology	2	1	1	4	4	3	3	2	2	

STT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
33	Tâm lý học xã hội	Social Psychology	2	1	1	4	4	3	3	1	2
34	Tâm lý học giới tính	Gender Psychology	1	1	1	4	4	3	3	2	2
35	Lượng giá tâm lý lâm sàng	Psychological Practice and Assessment	2	2	2	1	1	5	4	2	2
36	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Clinical Psychopathology for Children and Adolescents	1	1	1	1	4	5	5	2	5
37	Tâm bệnh học người lớn	Clinical Psychopathology for Adults	1	1	1	1	4	5	5	2	5
38	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	Research Methods in Psychology	1	2	2	2	2	4	5	1	1
39	Tham vấn tâm lý	Counseling Psychology	1	1	1	1	4	5	3	3	3
40	Thực hành tham vấn tâm lý	Practice Psychological Counseling	1	1	1	1	3	4	5	3	3
41	Tâm lý học nhân cách	Personality Psychology	2	1	1	1	5	4	4	3	3
42	Thực hành tâm lý lâm sàng	Practice of Clinical Psychology	1	1	1	3	4	4	5	5	3
43	Tâm lý học trị liệu	Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy	1	1	1	1	4	4	3	3	3



*Handwritten signature and initials in blue ink.*

STT	Tên học phần bằng tiếng việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
44	Chăm sóc giảm nhẹ	Palliative Care	1	1	1	1	3	4	5	4	3
45	Sơ cứu Tâm lý	First Aid Psychology	1	1	1	5	3	3	2	4	5
46	Can thiệp tâm lý trẻ em	Child Psychological Intervention	1	1	1	4	5	5	4	2	5
47	Kiến tập chuyên môn	Psychology Practicum Observation	1	2	1	5	5	4	4	4	5
48	Tham vấn học đường	School Counseling	1	1	1	4	5	3	4	4	3
49	Tâm lý học tích cực	Positive Psychology	2	1	1	3	3	3	3	3	5
50	Hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người lao động	Mental Health Care Activities for Workers	1	1	1	3	2	4	4	3	4
51	Tâm lý học lao động và tổ chức	Work and Organisational Psychology	2	1	1	3	2	2	2	3	3
52	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Business Administration Psychology	1	1	1	3	2	2	2	3	3
53	Tâm lý học lão niên	Psychology of Elderly People	2	2	2	5	3	3	3	3	4
54	Tâm lý y học	Medical Psychology	1	1	1	5	4	4	4	2	3
55	Can thiệp sang chấn	Trauma Intervention	1	2	2	4	4	4	4	3	5

STT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
56	Can thiệp tự sát	Suicide Intervention	1	2	2	4	4	4	4	3	5
<b>III. CÁC HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP</b>											
57	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp	Clinical topic/Graduation Thesis	1	1	1	3	4	5	5	4	4
58	Thực tập tốt nghiệp	Graduation internship	1	1	1	3	5	4	4	5	5

- 1: Không đáp ứng  
 2: Ít đáp ứng  
 3: Đáp ứng trung bình  
 4: Đáp ứng nhiều  
 5: Đáp ứng rất nhiều

#### 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Khối kiến thức chung- Học phần bắt buộc</b>											
1	11001001	Triết học Mác – Lênin	3	X							
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X						
5	11001005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		X						
6	11002006	Tin học đại cương	2	X							



*Handwritten signature and initials in blue ink.*



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
25	20020025	<i>Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa</i>	2		X							
26	20020026	<i>Thống kê y học</i>	2		X							
27	20070027	<i>Tiếp thị xã hội</i>	2		X							
28	20071028	<i>Giáo dục và nâng cao sức khỏe</i>	2		X							
<b>Học phần chuyên ngành - Học phần bắt buộc</b>												
29	31070029	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Tâm lý	2		X							
30	31070030	Tâm lý học phát triển	3			X						
31	31070031	Tâm lý học gia đình	3			X						
32	31070032	Tâm lý học nhận thức	2			X						
33	31070033	Tâm lý học xã hội	3			X						
34	31070034	Tâm lý học giới tính	2			X						
35	31070035	Lượng giá tâm lý lâm sàng	3				X					
36	31070036	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	4				X					
37	31070037	Tâm bệnh học người lớn	4					X				
38	31070038	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	2				X					
39	31070039	Tham vấn tâm lý	3						X			
40	31070040	Thực hành tham vấn tâm lý	3							X		
41	31070041	Tâm lý học nhân cách	3				X					
42	31070042	Thực hành tâm lý lâm sàng	3							X		
43	31070043	Tâm lý học trị liệu	4						X			
44	31070044	Chăm sóc giảm nhẹ	2						X			



*Handwritten signature or initials in blue ink.*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
45	31070045	Sơ cứu tâm lý	2						X		
46	31070046	Cán thiệp tâm lý trẻ em	4							X	
47	31070047	Kiến tập chuyên môn	2				X				
<b>Học phần chuyên ngành - Học phần tự chọn - Chọn 6/9 học phần</b>			<b>12</b>					X			
48	30070048	<i>Tham vấn học đường</i>	2					X			
49	30070049	<i>Tâm lý học tích cực</i>	2					X			
50	30070050	<i>Hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người lao động</i>	2					X			
51	30070051	<i>Tâm lý học lao động và tổ chức</i>	2					X			
52	30070052	<i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>	2					X			
53	30070053	<i>Tâm lý học lão niên</i>	2					X			
54	32070054	<i>Tâm lý y học</i>	2					X			
55	30070055	<i>Cán thiệp sang chấn</i>	2					X			
56	30070056	<i>Cán thiệp tự sát</i>	2					X			
<b>Học phần tốt nghiệp - Học phần bắt buộc</b>											
57	41070057	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp	8								X
58	41070058	Thực tập tốt nghiệp	4								X
<b>TỔNG</b>				1 6	1 8	1 7	2 0	2 0	1 3	1 0	1 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH 